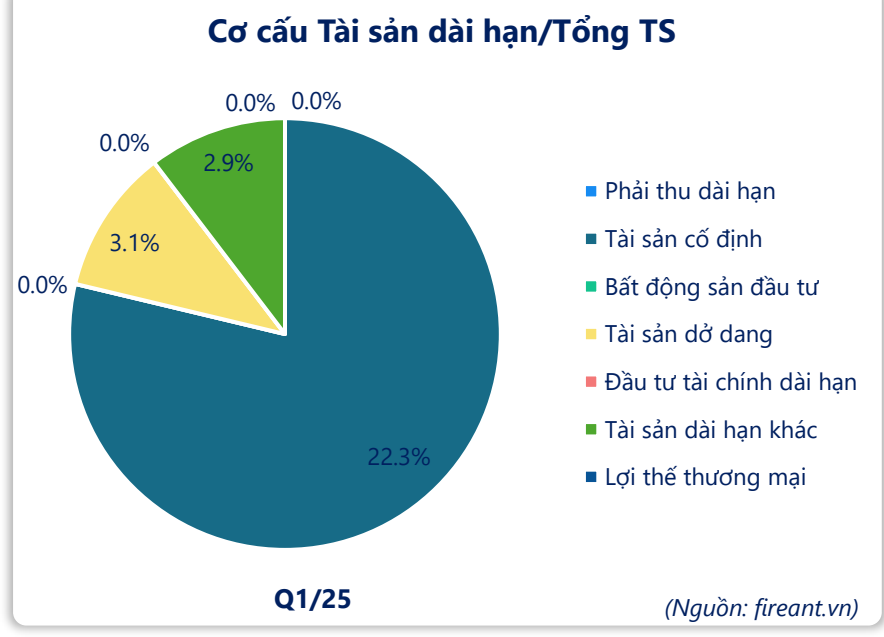
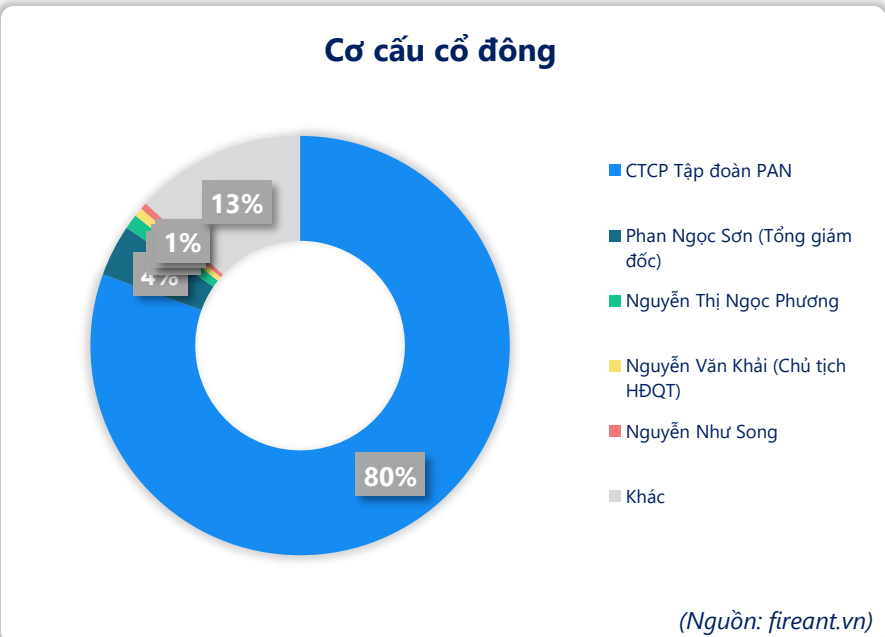
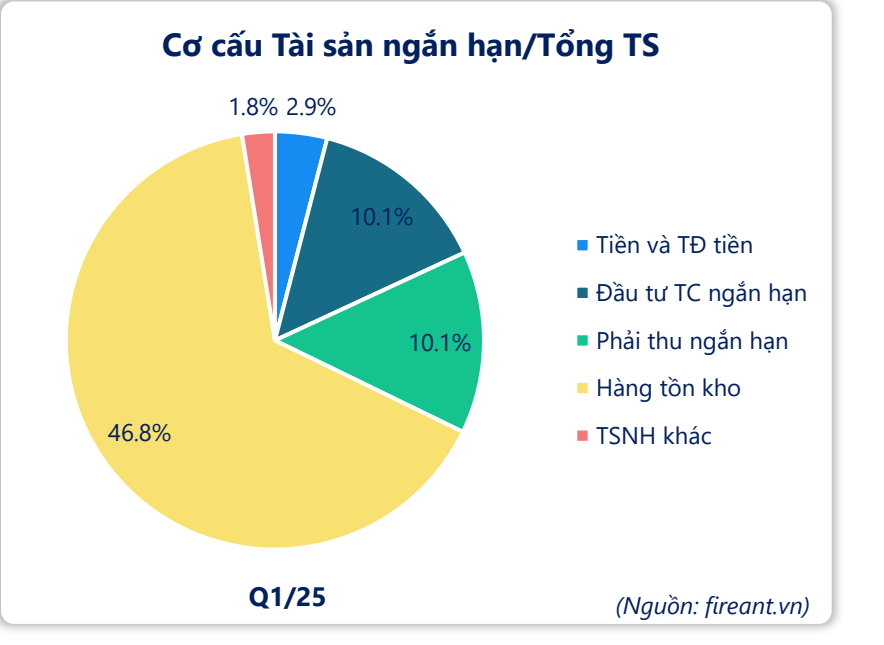
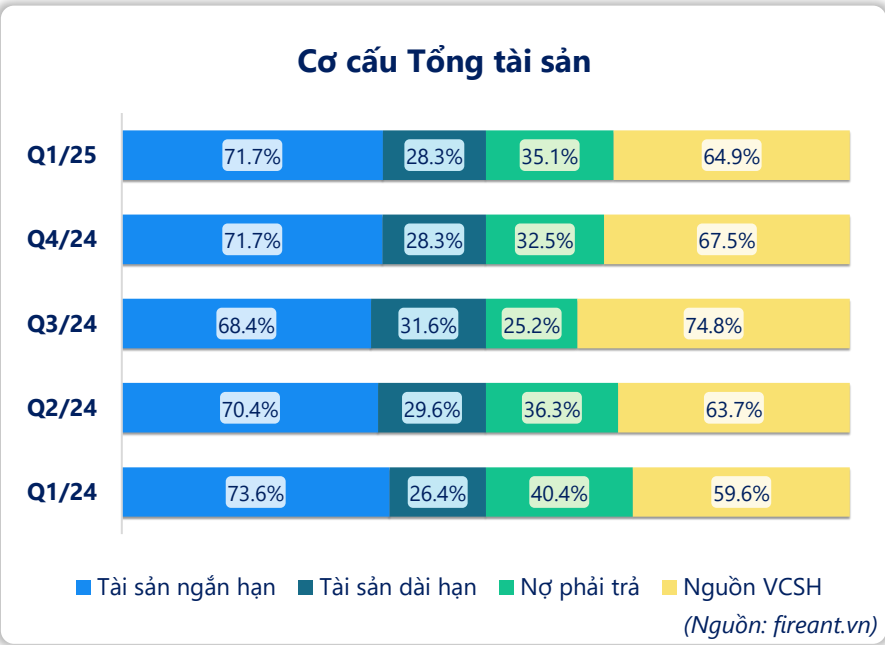
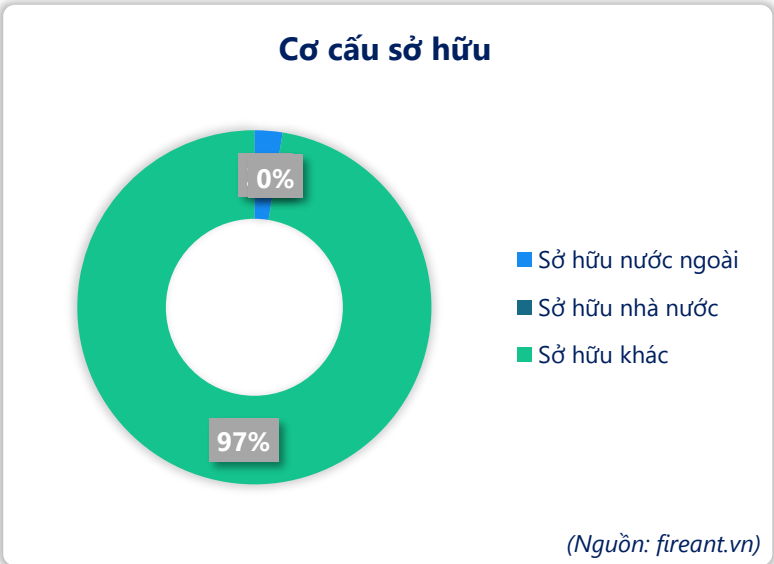
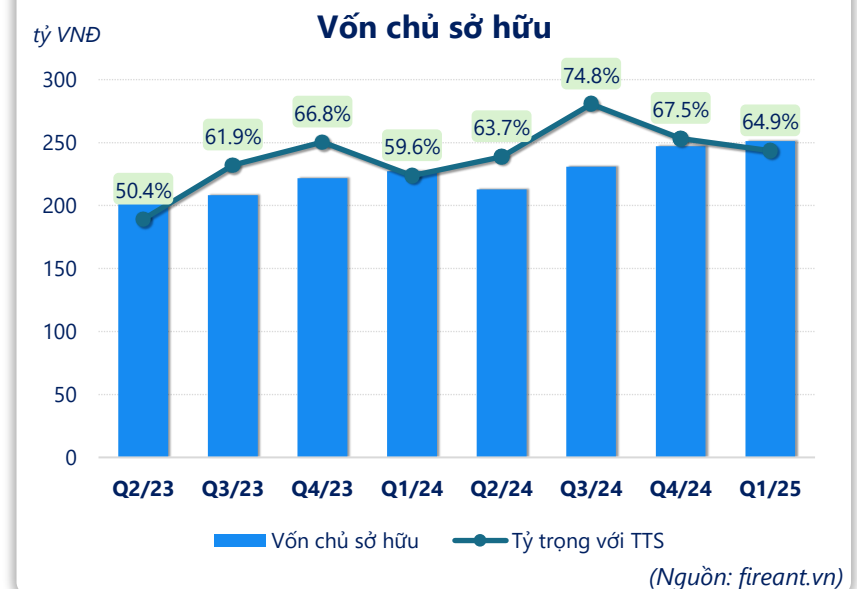
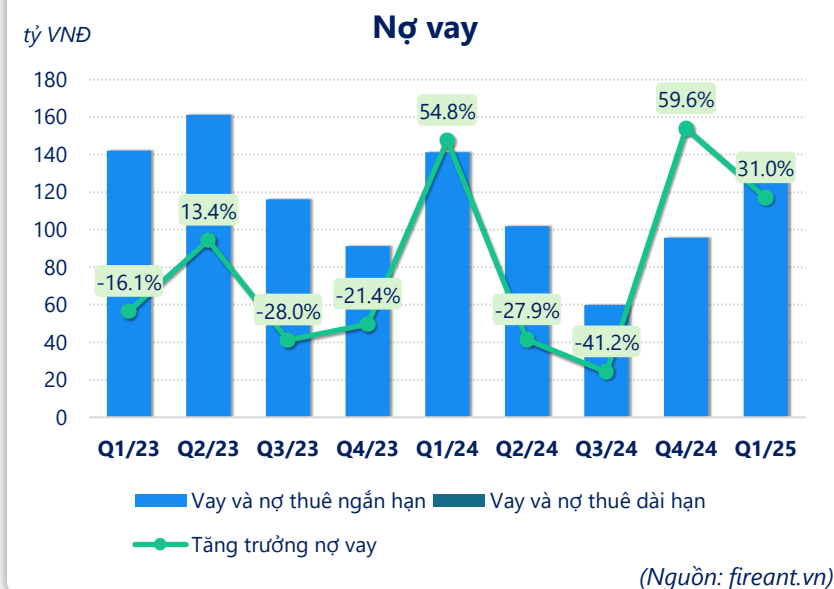
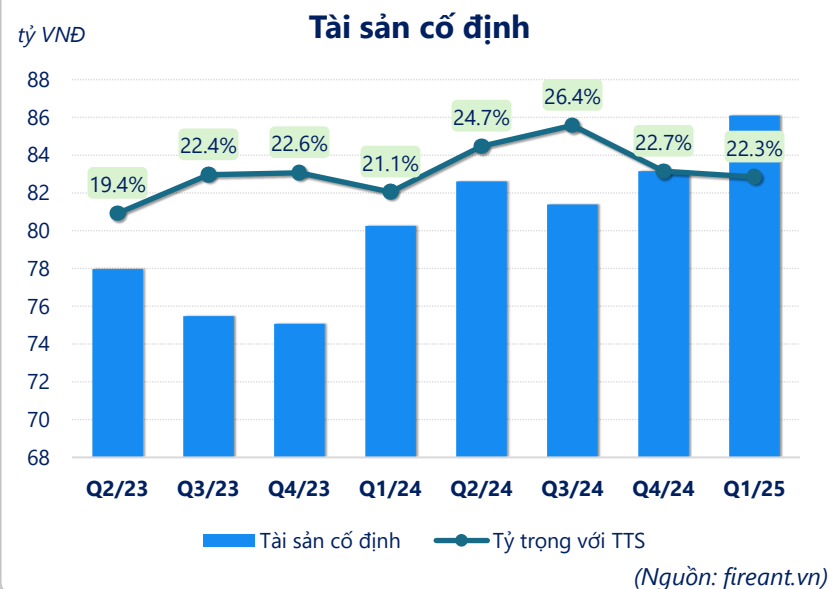
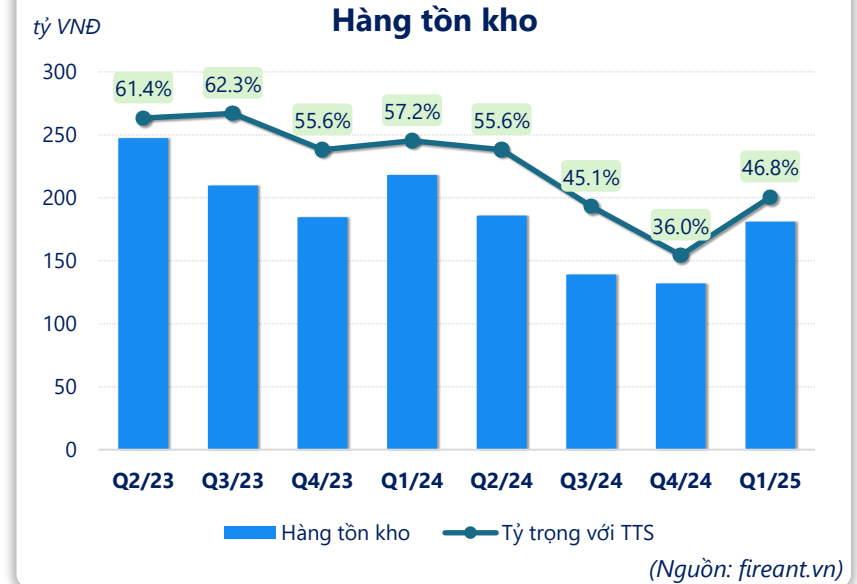
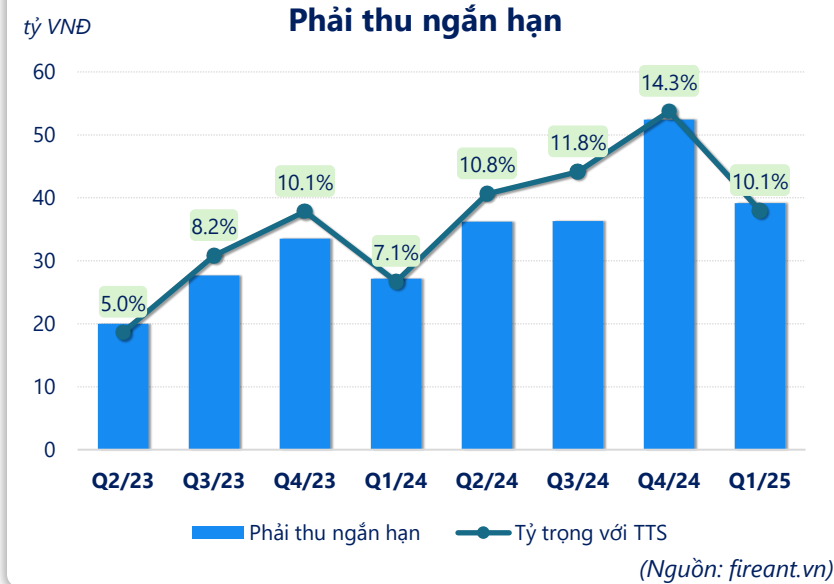
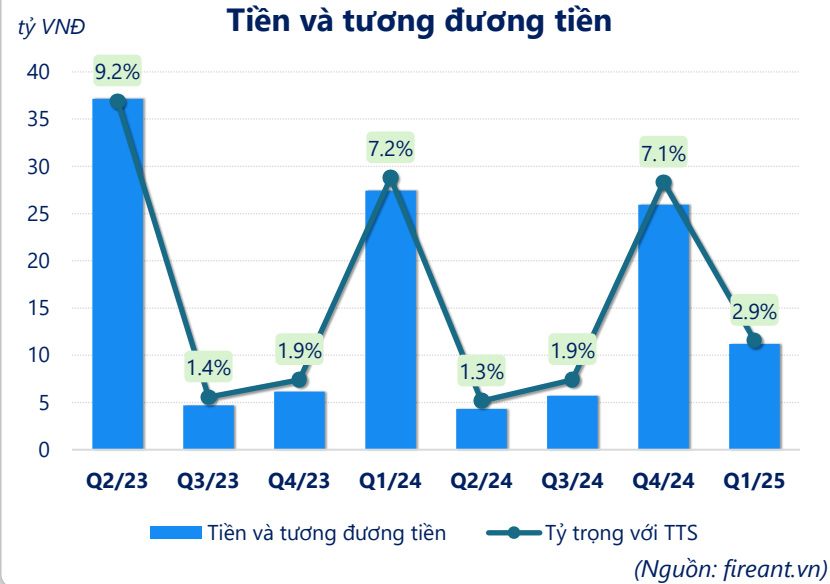
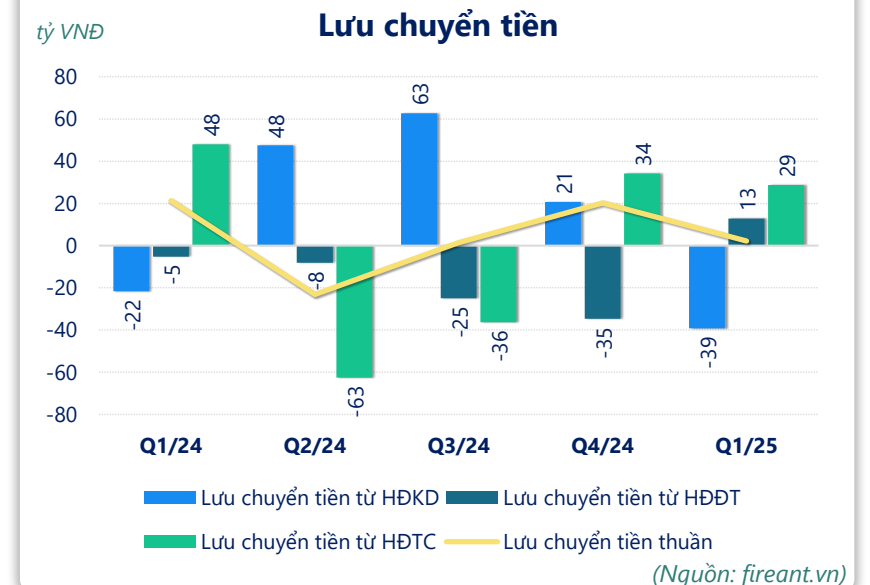
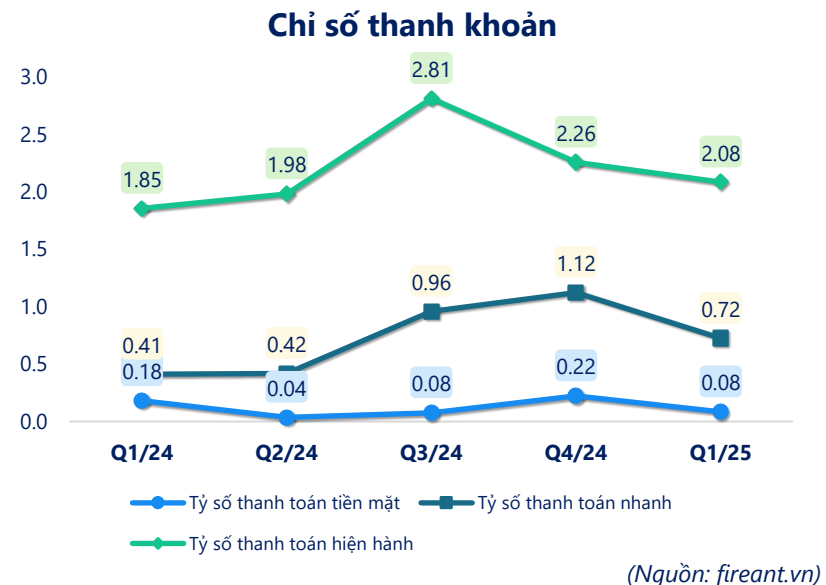
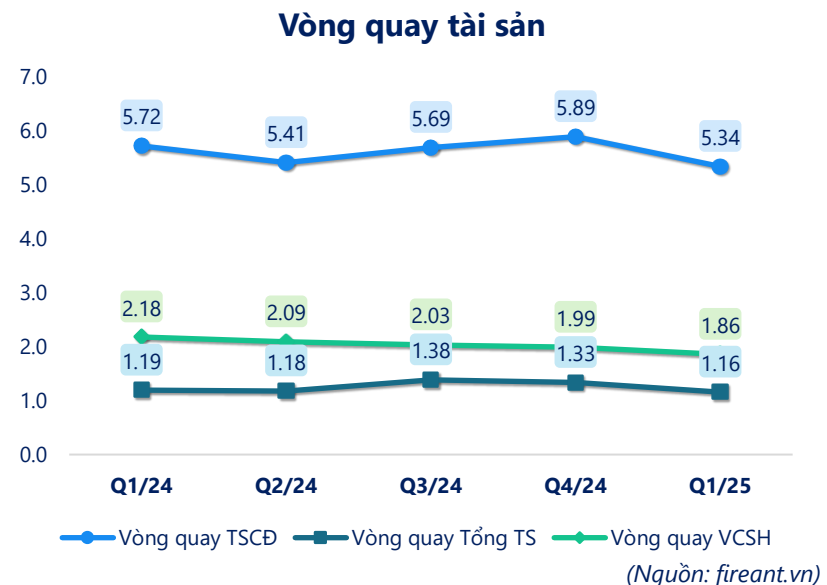
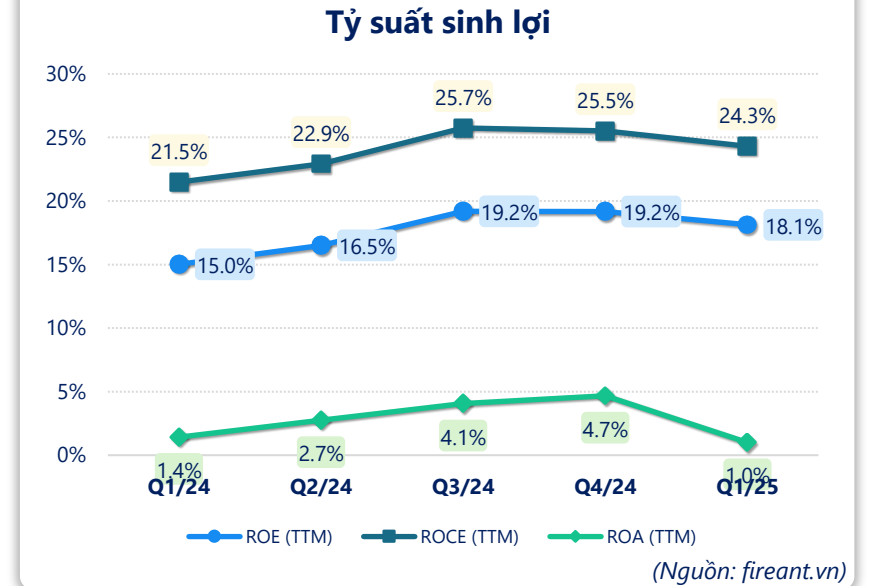
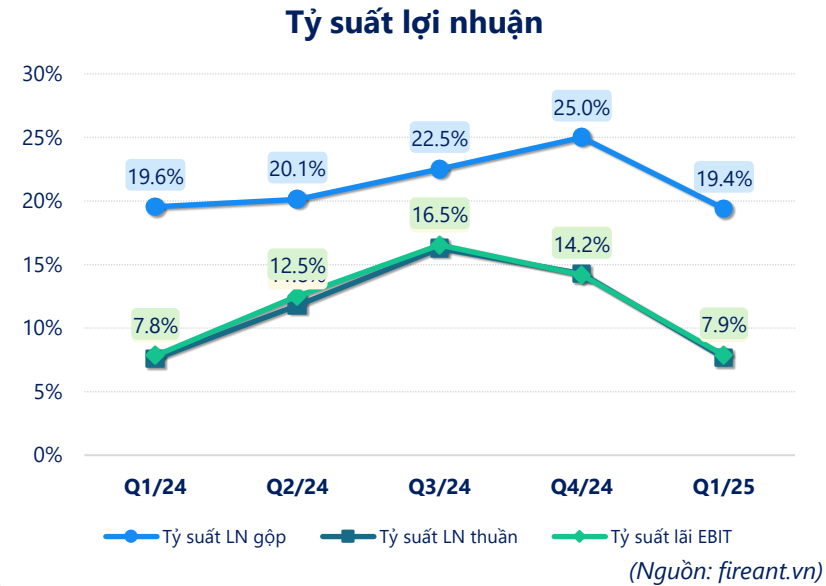
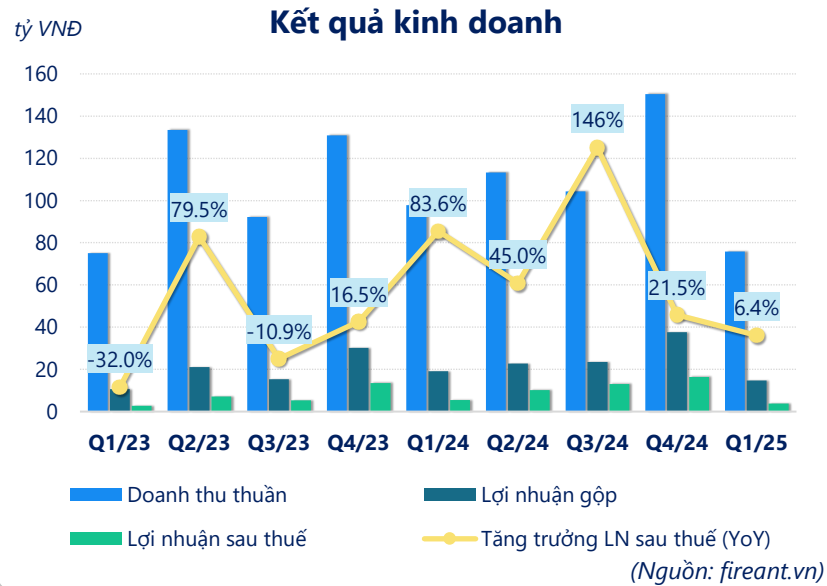


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		19,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		21,070
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,865
SL cổ phiếu LH		15,228,019
KLGD BQ 20 phiên (CP)		18,450
% sở hữu nước ngoài		2.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		294
P/E		6.8
EPS		2,846

	YTD	1T	3T	6T
LAF	12.2%	-7.6%	14.1%	20.4%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	387	366	5.7%
Tài sản ngắn hạn	277	262	5.7%
Tiền và tương đương tiền	11.2	8.92	25.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	39.0	57.3	-31.9%
Phải thu ngắn hạn	39.2	52.4	-25.3%
Hàng tồn kho	181	132	37.3%
Tài sản ngắn hạn khác	7.00	11.8	-40.7%
Tài sản dài hạn	109	104	5.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	86.1	83.2	3.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	11.9	8.74	36.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0.06	-100%
Tài sản dài hạn khác	11.3	11.7	-2.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	136	119	14.2%
Nợ ngắn hạn	133	116	14.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	125	95.6	31.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.91	4.69	-37.9%
Nợ dài hạn	2.57	2.51	2.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	251	247	1.6%
Vốn chủ sở hữu	251	247	1.6%
Vốn điều lệ	152	152	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	97.8	113	104	150	75.8
Giá vốn hàng bán	78.7	90.5	80.9	113	61.1
Lợi nhuận gộp	19.1	22.8	23.5	37.6	14.7
Doanh thu HĐTC	1.85	1.64	2.52	3.54	2.50
Chi phí TC	3.27	3.17	1.44	2.82	2.24
Chi phí lãi vay	0.73	1.40	0.74	0.75	0.61
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.79	3.49	3.75	4.98	4.21
Chi phí QLDN	6.48	4.43	3.86	11.9	4.95
LN thuần từ HĐKD	7.43	13.4	17.0	21.5	5.80
Lợi nhuận khác	-0.51	-0.58	-0.46	-0.89	-0.44
LN trước thuế	6.93	12.8	16.5	20.6	5.36
Lợi nhuận sau thuế	5.45	10.1	13.1	16.3	3.84
LNST của CĐ cty mẹ	5.45	10.1	13.1	16.3	3.84

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-21.6	47.5	62.7	20.7	-39.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.19	-8.10	-25.0	-34.7	12.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	48.0	-62.5	-36.3	34.2	28.7
Tiền đầu kỳ	6.16	27.4	4.31	5.72	8.92
Lưu chuyển tiền thuần	21.2	-23.1	1.43	20.2	2.27
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0.00	-0.01	0.01	0.00
Tiền cuối kỳ	27.4	4.31	5.72	25.9	11.2

(Nguồn: fireant.vn)